

Số: 3565 /QĐ - UBND

Tân Uyên, ngày 13 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật  
Công trình: Xây dựng HTTN tuyến đường ĐH 404 (từ ĐT 746  
đến giáp đường N11, khu phố 3, phường Phú Tân),  
phường Tân Vĩnh Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về  
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy  
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt  
động xây dựng;

Xét Văn bản số 113/KT,HT&ĐT-TĐ ngày 13/6/2025 của Phòng Kinh tế,  
Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật  
và Tờ trình số 113/TTr-KT,HT&ĐT ngày 13/6/2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng  
và Đô thị về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây  
dựng HTTN tuyến đường ĐH 404 (từ ĐT 746 đến giáp đường N11, khu phố 3,  
phường Phú Tân), phường Tân Vĩnh Hiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Xây  
dựng HTTN tuyến đường ĐH 404 (từ ĐT 746 đến giáp đường N11, khu phố 3,  
phường Phú Tân), phường Tân Vĩnh Hiệp, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng HTTN tuyến đường ĐH 404 (từ ĐT 746  
đến giáp đường N11, khu phố 3, phường Phú Tân), phường Tân Vĩnh Hiệp.

2. Người quyết định chủ trương đầu tư: UBND thành phố Tân Uyên.

3. Người quyết định đầu tư: UBND thành phố Tân Uyên.

Chủ đầu tư: UBND phường Tân Vĩnh Hiệp.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm từng bước hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng theo quy hoạch mạng lưới  
đường giao thông, hệ thống thoát nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại

của nhân dân, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong khu vực.

## 4.2. Quy mô đầu tư xây dựng:

### 4.2.1 Quy mô đầu tư :

|                                       |                        |
|---------------------------------------|------------------------|
| - Chiều dài tuyến                     | 1.927,7m.              |
| - Bề rộng mặt đường hiện hữu          | 7,0m.                  |
| - Kết cấu mặt đường hiện hữu          | BTNN.                  |
| - Hệ thống thoát nước dọc phải tuyến: |                        |
| + Km0+011 đến Km1+333,3               | Cống tròn BTCT D100cm. |
| + Km1+345,2 đến Km1+840,9             | Cống tròn BTCT D80cm.  |
| + Km1+840,9 đến cuối tuyến            | Cống BTCT (80xH)cm.    |
| - Hệ thống thoát nước dọc trái tuyến: |                        |
| + Km0+011 đến Km1+333,3               | Cống tròn BTCT D100cm. |

### 4.2.2 Giải pháp kỹ thuật

#### a. Bình đồ:

Tim đường được thiết kế bám theo tim đường hiện hữu.

#### b. Trắc dọc:

Trắc dọc tuyến được thiết kế dựa trên các điểm khống chế là đầu tuyến, cuối tuyến và theo nguyên tắc bám theo trắc dọc đường hiện hữu và địa hình hai bên tuyến nhằm hạn chế nâng quá cao ảnh hưởng nhiều đến dân cư đang sinh sống dọc tuyến, đồng thời tận dụng lại kết cấu mặt đường hiện hữu. Cao độ thiết kế trắc dọc là cao độ mặt đường hoàn thiện tại tim đường.

#### c. Trắc ngang:

|                                       |                        |
|---------------------------------------|------------------------|
| - Bề rộng mặt đường hiện hữu          | 7,0m.                  |
| - Độ dốc ngang mặt đường              | 2%.                    |
| - Hệ thống thoát nước dọc phải tuyến: |                        |
| + Km0+011 đến Km1+333,3               | Cống tròn BTCT D100cm. |
| + Km1+345,2 đến Km1+840,9             | Cống tròn BTCT D80cm.  |
| + Km1+840,9 đến cuối tuyến            | Cống BTCT (80xH)cm.    |
| - Hệ thống thoát nước dọc trái tuyến: |                        |
| + Km0+011 đến Km1+333,3               | Cống tròn BTCT D100cm. |

#### d. Kết cấu áo đường (tính từ trên xuống):

\* **Kết cấu vị trí hoàn trả mặt bằng bằng bê tông nhựa:**

- Thảm bê tông nhựa nóng C12,5 dày 6cm, lu lèn  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 120$ Mpa trên lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h tiêu chuẩn nhựa 1kg/m<sup>2</sup>.

- Trãi cán cấp phối đá dăm 0x4 loại 1 ( $D_{max}=25$ mm) dày 15cm lớp trên, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 110$ Mpa.

- Trãi cán cấp phối đá dăm 0x4 loại 1 ( $D_{max}=37,5$ mm) dày 15cm lớp dưới, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 110$ Mpa.

**\* Kết cấu vị trí hoàn trả mặt bằng bằng bê tông xi măng:**

- Bê tông đá 1x2 M250, dày 15cm.

- Trãi cán cấp phối đá dăm 0x4 loại 1 ( $D_{max}=25$ mm) dày 15cm lớp trên, lu lèn đạt  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 110$ Mpa.

**\* Kết cấu vị trí dệm vá bù nhựa mặt đường:**

Thảm bê tông nhựa nóng C12,5 dày 6cm, lu lèn  $K \geq 0,98$ ;  $E \geq 120$ Mpa trên lớp nhũ tương gốc axit CSS-1h tiêu chuẩn nhựa 1kg/m<sup>2</sup>.

**e. Kết cấu lề đường:**

Theo chiều dài tuyến công làm mới đổ bó vỉa dạng nằm bằng bê tông đá 1x2 M200, trên lớp bê tông đá 1x2 M150, dày 6cm. Tận dụng đất đào chuyển sang đắp có chọn lọc, lu lèn đạt  $K \geq 0,95$ .

**f. Hệ thống thoát nước:**

**Hệ thống thoát nước dọc:**

- Đoạn từ Km0+011 đến Km1+333,3: Lắp đặt mới hệ thống thoát nước dọc bằng cống tròn BTCT D100cm hai bên tuyến. Nước mưa được thu gom thông qua hố thu có gấn lưới chắn rác mạ kẽm.

- Đoạn từ Km1+345,2 đến Km1+840,9: Lắp đặt mới hệ thống thoát nước dọc bằng cống tròn BTCT D80cm bên phải tuyến. Nước mưa được thu gom thông qua hố thu có gấn lưới chắn rác mạ kẽm.

- Đoạn từ Km1+840,9 đến cuối tuyến: Xây dựng mới hệ thống thoát nước dọc bằng cống hộp (80xH)cm bên phải tuyến. Cống được đổ bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 20cm; trên lớp bê tông lót đá 1x2 M150, dày 6cm; nắp đan dày 15cm.

**g. Hệ thống an toàn giao thông:**

Tận dụng biển báo hiệu đường bộ lắp đặt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

**5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng:** Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Tân Quý Thanh.

**6. Địa điểm xây dựng:** Công trình nằm trong địa phận khu phố Vĩnh Trường, phường Tân Vĩnh Hiệp, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Điểm

đầu giáp đường ĐT 746, điểm cuối giáp đường N11 khu phố 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một.

**7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:**

- Loại, nhóm dự án: Dự án nhóm C.
- Loại, cấp công trình: Công trình Hạ tầng kỹ thuật, Cấp III.
- Thời hạn sử dụng công trình: <25 năm.

**8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn :**

**8.1 Số bước thiết kế : 01 bước.**

**8.2 Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:**

- TCVN 13592-2022 : Đường Đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCCS 31-2020/TCĐBVN : Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCVN 5574-2018 : Kết cấu bê tông, bê tông cốt thép. Tiêu chuẩn thiết kế.
- QCVN 07:2023 : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Các công trình hạ tầng kỹ thuật;
- QCVN 41:2024/BGTVT ; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.
- Các tài liệu tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

**9. Tổng vốn đầu tư:** 17.386.229.307 đồng (*Mười bảy tỷ, ba trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng*).

Trong đó:

- |                                   |                      |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng:               | 14.293.437.528 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án:          | 293.175.181 đồng.    |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 1.063.730.819 đồng.  |
| - Chi phí khác:                   | 155.319.479 đồng.    |
| - Chi phí dự phòng:               | 1.580.566.300 đồng.  |

**10. Tiến độ thực hiện dự án:**

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2025.
- Thực hiện dự án: Năm 2025 – 2027.

**11. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách thành phố Tân Uyên.

**12. Hình thức quản lý:** Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện quản lý dự án.

**Điều 2.** Sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình được phê duyệt, UBND phường Tân Vĩnh Hiệp có trách nhiệm thực hiện bước tiếp theo đảm bảo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch; Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Chủ tịch UBND phường Tân Vĩnh Hiệp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Trí.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đoàn Hồng Tươi**



